

Bản án số: 161/2023/HS-ST
Ngày: 08 – 6 – 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Ngọc Phương.

2/ Bà Dương Thị Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 96/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/HSST-QĐ ngày 02/6/2023 đối với các bị cáo:

1. T V X, sinh ngày 19/7/1984 tại tỉnh Nghệ An; nơi thường trú: Xóm B, xã M, huyện T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông S và bà T1; có vợ tên A, sinh năm 1988 (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2009.

Tiền án:

- Ngày 09/02/2010, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 30/2010/HS-ST;

- Ngày 10/03/2010, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử 08 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam theo Bản án số 46/2010/HS-ST;

- Ngày 05/4/2010, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương xử 16 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 43/2010/HS-ST. Tổng hợp hình phạt của 02 Bản án số 30/2010/HS-ST ngày 09/02/2010 và Bản án số

46/2010/HS-ST ngày 10/3/2010 là 24 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/5/2012;

- Ngày 02/4/2013, bị Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xử 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 77/2013/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/10/2014;

- Ngày 04/11/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử 02 năm 02 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 363/2015/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/8/2017;

- Ngày 23/9/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương xử 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 296/2019/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/4/2022, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16 tháng 6 năm 2022 cho đến nay.

2. **Đ N T**, sinh ngày 26/3/1988 tại tỉnh Nghệ An; nơi thường trú: Xóm P, xã S, huyện T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đ (đã chết) và bà M; có vợ tên T, sinh năm 1985 và 01 người con sinh năm 2011.

Tiền án:

- Ngày 18/10/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 348/2013/HS-ST, ngày 29/8/2014 chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 26/5/2015, bị Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xử 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 74/2015/HS-ST, ngày 09/5/2017 chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 07/3/2019, bị Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh xử 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 26/2019/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/9/2020, chưa xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16 tháng 6 năm 2022 cho đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông L, sinh năm 1999; nơi cư trú: Khu phố B, phường L, thành phố T An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà T1, sinh năm 1985; nơi cư trú: Xã K, huyện T, tỉnh Nghệ An; tạm trú: khu phố B, phường G, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 15/6/2022, người tên H, tên M (chưa rõ nhân thân, địa chỉ) là bạn ngoài xã hội điện thoại rử X và T đi trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài thì X, T đồng ý. Thực hiện ý định trên, đến khoảng 03 giờ 00 phút sáng ngày 16/6/2022, H điều khiển xe mô tô hiệu Exciter, màu đen (không rõ biển số) chở X ngồi sau đi từ ngã ba R thuộc phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương đến phường B, thành phố T thì gặp T và đối tượng tên M đang đứng chờ sẵn tại đây. Lúc này, H kêu đi theo H để tìm tài sản trộm cắp, theo đó T điều khiển xe mô tô hiệu Exciter, màu đen, biển số 69N1-162.95 chở tên M, còn H điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở X đi tìm tài sản sơ hở của người dân để chiếm đoạt. Khi cả nhóm đi vào khu dân cư B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì H phát hiện dây trụ số L đang khóa cửa cổng, bên trong có để nhiều xe máy nên ra hiệu cho cả nhóm dừng lại. T và T đứng bên ngoài cổng dây trụ để cảnh giới cho M và X xuống xe đi bộ đến cổng dây trụ. M dùng kim cộng lực mang theo từ trước cắt ổ khóa cổng rồi mở cổng đi vào bên trong dây trụ, T đi theo vào phía sau hỗ trợ cầm kim cộng lực cho M. Tại đây, M dùng đoạn bẻ khóa cổ dẫn được 01 xe mô tô kiểu dáng Exciter, màu xanh đen biển số 61K1-068.30 của ông L ra ngoài cổng rồi nổ máy thì gặp lực lượng Công an tuần tra phát hiện, M điều khiển xe trộm cắp được bỏ chạy thoát, H cũng điều khiển xe mô tô hiệu Exciter, màu đen bỏ chạy thoát. X ngồi lên xe mô tô biển số 69N1-162.95 của T điều khiển để bỏ chạy thì bị tổ tuần tra truy đuổi chặn lại, X cùng T bỏ xe máy chạy bộ thì bị bắt giữ đưa về Công an phường L. Tại Cơ quan Công an X và T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại Nokia 1280, gắn sim số 0973067039; 01 điện thoại Nokia 1174, gắn sim số 0368648125; 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter 150, màu đen, số máy G3D4E-480290, số khung RLCUG0610HY459174; 01 biển số 69N1-162.95; 01 biển số 37N1-230.85; 01 đoạn bẻ khóa 04 cạnh dài 05cm.

Tại Biên bản định giá và Bản kết luận định giá tài sản ngày 23/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thuận An kết luận: 01 xe mô tô kiểu dáng Exciter, màu xanh đen biển số 61K1-068.30 trị là 26.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 111/CT-VKS-TA ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo X và bị cáo T, mỗi bị cáo từ 03 (ba) năm 03 (ba) tháng đến 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

+) Đối với vật chứng là 01 điện thoại Nokia 1280, gắn sim số 0973067039 thu giữ của bị cáo X và 01 điện thoại Nokia 1174, gắn sim số 0368648125 thu giữ của bị cáo T, quá trình điều tra xác định là phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

+) Đối với vật chứng là 01 xe mô tô kiểu dáng Exciter, màu xanh đen biển số 61K1-068.30 của ông L, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm nhưng không thu hồi được.

+) Đối với vật chứng là 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter 150, màu đen, số máy G3D4E-480290, số khung RLCUG0610HY459174 do bị cáo T sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra T khai nhận chiếc xe mô tô này được cấp biển số là 37N1-230.85 do bà T1 (vợ của T) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 15/6/2022, đối tượng tên H liên hệ đưa cho T 01 biển số 69N1-162.95 để gắn vào xe mô tô trên khi sử dụng để tránh bị phát hiện khi thực hiện hành vi phạm tội. Qua làm việc bà T1 khai nhận chiếc xe mô tô trên là tài sản bà T1 đứng tên chủ sở hữu mua trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T1 với bị cáo T, bà T1 không biết T sử dụng chiếc xe mô tô trên để thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy, chiếc xe mô tô trên là phương tiện bị cáo T sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, chiếc xe này là tài sản chung của bà T1 và T nên đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

+) Đối với 01 biển số 69N1-162.95 do bị cáo T sử dụng gắn vào xe mô tô nhãn hiệu Exciter 150, màu đen khi thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An xác minh tra cứu phương tiện tham gia giao thông cơ giới đường bộ xác định chiếc biển số trên đăng ký chủ sở hữu tên T2, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra nhưng chưa làm việc được với ông T2 để làm rõ nên cần tiếp tục giao chiếc biển số 69N1-162.95 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An tiếp tục xác minh xử lý sau.

+) Đối với vật chứng là 01 đoạn bẻ khóa 04 cạnh dài 05cm là công cụ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại L yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 26.000.000 đồng, tại phiên tòa các bị cáo tự nguyện nhận trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 26.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 13.000.000 đồng, bị hại đồng ý việc các bị cáo bồi thường số tiền như trên và không có yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại.

Đối với người tên H, M quá trình điều tra xác định X và T khai nhận không biết rõ nhân thân, địa chỉ của H, M ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An đã tiến hành điều tra nhưng chưa xác định được lai lịch địa chỉ nên sẽ tiếp tục xác minh xử lý sau.

- Bị hại ông L yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 26.000.000 đồng cho tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được, mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền

13.000.000 đồng, bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T1 yêu cầu cho bị cáo T được nhận lại xe mô tô nhãn hiệu Exciter 150 biển số là 37N1-230.85, bà T1 không có yêu cầu gì khác.

- Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, không có ý kiến tranh luận gì thêm. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về nhà, sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân tốt cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thuận An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thuận An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T An, tỉnh Bình Dương đã truy tố trước Tòa. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 16/6/2022, tại dãy trọ đường L, khu dân cư B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, các bị cáo X, T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô kiểu dáng Exciter, màu xanh đen biển số 61K1-068.30 trị giá 26.000.000 đồng của ông L. Bị cáo X có 06 tiền án, chưa được xóa án tích, tại Bản án số 296/2019/HS-ST ngày 23/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương đã xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung là “tái phạm nguy hiểm”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo T có 03 tiền án, chưa được xóa án tích, Bản án số 26/2019/HS-ST ngày 07/3/2019 đã xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung là “tái phạm nguy hiểm”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung hình phạt là “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát

nhân dân thành phố Thuận An truy tố các bị cáo về Tội trộm cắp tài sản theo Điểm g Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên các bị cáo đã cố ý thực hiện. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng cho các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Trong vụ án có vai trò đồng phạm. Các bị cáo có sự bàn bạc, chuẩn bị và có sự phân công cụ thể. Trong vụ án này, bị cáo X cùng đồng phạm tên M là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T cùng đồng phạm tên H là người giúp sức, cảnh giới, tạo điều kiện cho các đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, vai trò của bị cáo X cao hơn bị cáo T nên mức hình phạt của bị cáo X phải cao hơn bị cáo T.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Lời đề nghị mức hình phạt của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

+) Đối với 01 điện thoại Nokia 1280, gắn sim số 0973067039 và 01 điện thoại Nokia 1174, gắn sim số 0368648125 là phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

+) Đối với 01 xe mô tô 02 bánh, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER-2ND1, dung tích xy lanh 149.8m³, biển số là 37N1-230.85; số máy G3D4E-480290, số khung RLCUG0610HY459174 do bà T (vợ của T) đứng tên chủ sở hữu. Xét thấy, chiếc xe mô tô trên là phương tiện bị cáo T sử dụng thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

+) Đối với 01 biển số 69N1-162.95 do bị cáo T sử dụng gắn vào xe mô tô nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An đã xác minh tra cứu phương tiện tham gia giao thông cơ giới đường bộ xác định biển số trên đăng ký chủ sở hữu tên T2, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra nhưng chưa

làm việc được với ông T2 để làm rõ nên cần tiếp tục giao chiếc biển số 69N1-162.95 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An tiếp tục xác minh xử lý sau.

+) Đối với vật chứng là 01 đoạn bẻ khóa 04 cạnh dài 05cm là công cụ bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

+) Đối với 01 xe mô tô kiểu dáng Exciter, màu xanh đen biển số 61K1-068.30 của ông L, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm nhưng không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại L yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 26.000.000 đồng, tại phiên tòa các bị cáo tự nguyện nhận trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 26.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 13.000.000 đồng, bị hại đồng ý việc các bị cáo bồi thường số tiền như trên và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa T giữa các bị cáo và bị hại.

[10] Đối với các đối tượng tên H, M cùng các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An tiếp tục xác minh xử lý sau.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm g Khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Các Điều 288, 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo X và bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo X 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2022.

Xử phạt bị cáo T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo X và bị cáo T liên đới bồi thường số tiền 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng) cho bị hại ông L, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 xe mô tô 02 bánh, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER-2ND1, dung tích xy lanh 149.8cm³, mang biển kiểm soát: 37N1 -230.85; số máy G3D4E-480290, số khung RLCUG0610HY459174;

+ 01 điện thoại Nokia 1280, gắn sim số 0973067039 và 01 điện thoại Nokia 1174, gắn sim số 0368648125.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) đoạn bẻ khóa 04 cạnh dài 05cm.

- Giao 01 (một) biển số 69N1-162.95 cho Công an thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương để xử lý theo quy định.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng tài sản ngày 21/4/2023 giữa Công an thành phố Thuận An và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Thuận An;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Thuận An;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Ánh